

Bản án số: 208/2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 30-10-2018  
V/v tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Vũ Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Nhân;
2. Ông Ngô Văn Mừng.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Lắm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang:*** Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 30 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 584/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 183/2018/QĐST - HNGĐ ngày 21 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh H (M), sinh năm 1985 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp V, xã T, huyện P, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H trình bày:

Anh và chị T chung sống với nhau vào năm 2016 anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Hôn nhân do mai mối và được gia đình hai bên đồng ý. Sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn và không còn sống chung từ đó cho đến nay không tới lui thăm nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hay cự cãi, chị T tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột nhiều lần, anh có khuyên nhưng chị T không sửa đổi. Gia đình hai bên không dàn xếp để vợ chồng hàn gắn tình cảm. Nay nhận thấy tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh Nguyễn Thanh H xác định không có nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Thanh H xác định không có nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Anh Nguyễn Thanh H xác định không có nên không xem xét giải quyết.

Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ cho chị Nguyễn Thị T đến Tòa án để tham gia phiên hòa giải nhưng chị vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tại phiên tòa, anh H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. *Về tố tụng:* Anh Nguyễn Thanh Hùng khởi kiện chị Nguyễn Thị T cư trú ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền, phù hợp theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T.

2. *Về hôn nhân:* Anh và chị T chung sống với nhau vào năm 2016 anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh An Giang, nên hôn nhân của anh chị được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, anh chị sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn và không còn sống chung từ đó cho đến nay. Anh H xin ly hôn, Tòa án hòa giải nhiều lần nhưng anh H cương quyết ly hôn. Tòa án đã thông báo thụ lý và triệu tập hợp lệ chị T không đến và cũng không gửi ý kiến cho Tòa án xem xét, thời gian anh, chị ly thân đã lâu chứng tỏ mâu thuẫn giữa anh, chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài,

mục đích hôn nhân không đạt được, anh H xin ly hôn với chị T, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình “ Khi vợ hoặc chồng xin ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn...” . Tại Phiên Tòa, anh H xác định tình cảm không còn. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của anh H có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh H.

3. *Về con chung*: Anh Nguyễn Thanh H xác định không có nên không xem xét giải quyết.

4. *Về tài sản chung*: Anh Nguyễn Thanh H xác định không có nên không xem xét giải quyết.

5. *Về nợ chung*: Anh Nguyễn Thanh H xác định không có nên không xem xét giải quyết.

Ghi nhận anh H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh H và chị T thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

6. *Về án phí*: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn Thanh H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng các Điều 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 28, 35, 39, 144, 146, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh H.

Về hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh H được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Anh Nguyễn Thanh H xác định không có nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Thanh H xác định không có nên không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Anh Nguyễn Thanh H xác định không có nên không xem xét giải quyết.

Ghi nhận anh H xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của anh H và chị T thì anh, chị phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Về án phí: Anh Nguyễn Thanh H phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000028 ngày 08/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang. Anh H không phải nộp thêm.

Đương sự có mặt tham gia phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện Ci;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện P, tỉnh An Giang.
- Các đương sự;
- Lưu./.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Châu Vũ Sơn**